

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn, tu bổ, tôn tạo
và phát huy giá trị di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quốc gia
Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu (gồm: Núi Nưa, Đền Nưa, Am Tiên)
giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 21 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; số 67/2022/NĐ-CP ngày 21/9/2022 về sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa; số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của quy định một số điều của Luật Du lịch; số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quốc gia Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu (gồm Núi Nưa, Đền Nưa, Am Tiên) giai đoạn 2023 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kết luận số 2749-KL/TU ngày 20/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về Đồ án Quy hoạch bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quốc gia Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu (gồm Núi Nưa, Đền Nưa, Am Tiên) giai đoạn 2023 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 5519/BVHTTDL-DSVH ngày 16/12/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Quy hoạch bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quốc gia địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 6606/TTr-SVHTTDL ngày 25 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quốc gia Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu (gồm Núi Nưa, Đền Nưa, Am Tiên) giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045 với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quốc gia Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu (gồm Núi Nưa, Đền Nưa, Am Tiên) giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch

2.1. Phạm vi, quy mô

Phạm vi lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính của Thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn; các xã: Tân Thọ và Tân Khang, huyện Nông Cống; xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh, với diện tích lập quy hoạch khoảng 1.087,55 ha, trong đó:

- Huyện Triệu Sơn có diện tích: 852,9 ha (thuộc Thị trấn Nưa).
- Huyện Nông Cống có diện tích: 117,4 ha (thuộc Xã Tân Khang, Xã Tân Thọ).
- Huyện Như Thanh có diện tích: 117,25 ha (thuộc Xã Mậu Lâm).

2.2. Ranh giới lập quy hoạch

Ranh giới lập quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp huyện Triệu Sơn.
- Phía Nam giáp đất rừng phòng hộ huyện Như Thanh và huyện Nông Cống.
- Phía Đông giáp đất rừng phòng hộ huyện Nông Cống; đất sản xuất nông nghiệp huyện Triệu Sơn.
- Phía Tây giáp đất rừng phòng hộ huyện Như Thanh và huyện Triệu Sơn; đất rừng sản xuất huyện Triệu Sơn.

3. Mục tiêu lập quy hoạch

3.1. Mục tiêu dài hạn

- Bảo vệ các yếu tố gốc cấu thành di tích.
- Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quốc gia Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu (gồm: Núi Nưa, Đền Nưa, Am Tiên), đồng thời đưa di tích trở thành điểm tham quan du lịch có giá trị đặc biệt, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.
- Nhằm triển khai và cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa. Đưa ra các kế hoạch định hướng xây dựng trên cơ sở lồng ghép và phát huy các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội địa phương.
- Hình thành trung tâm du lịch văn hóa, tâm linh, kết hợp với du lịch sinh thái, nhân văn, đáp ứng nhu cầu cao của du khách trong và ngoài nước đến chiêm bái, thăm quan, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí; làm cho nơi đây trở thành điểm đến đặc sắc của du lịch Thanh Hóa và Việt Nam đối với du khách, bạn bè trong nước và quốc tế.

3.2. Mục tiêu ngắn hạn

- Thiết lập, xác định ranh giới bảo vệ di tích.
- Xây dựng danh mục các dự án đầu tư, bảo tồn di tích phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn.
- Thu hút nguồn vốn đầu tư, lập các dự án đầu tư xây dựng, thiết kế, thi công xây dựng và quản lý xây dựng tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

4. Nội dung quy hoạch di tích

4.1. Định hướng bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích

4.1.1. Xác định ranh giới khu vực bảo vệ di tích, điều chỉnh mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích

Theo biên bản và bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu (gồm Núi Nưa, Đền Nưa và Am Tiên), xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích lịch sử - danh lam thắng cảnh quốc gia tại Quyết định số 1215/QĐ-BVHTTDL ngày 25/3/2009, có tổng diện tích là 527,59 ha, thuộc địa giới hành chính xã Tân Ninh (nay là Thị trấn Nưa), huyện Triệu Sơn. Nhưng trên thực tế, diện tích khoanh vùng bảo vệ di tích không hoàn toàn nằm trên địa bàn huyện Triệu Sơn mà thuộc địa bàn 04 xã của 03 huyện, cụ thể: Thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn; xã Tân Khang và xã Tân Thọ, huyện Nông Cống; xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh. Ngoài ra, khu vực bảo vệ di tích thắng cảnh chưa được cắm mốc tọa độ khoanh vùng bảo vệ. Do đó, việc điều chỉnh phạm vi, ranh giới, lập lại biên bản và bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định

thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Căn cứ kết quả khảo sát tổng thể hiện trạng, trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch 1087,55 ha có 14 di tích và cụm di tích với tổng diện tích 18,97 ha còn tồn tại các yếu tố gốc cấu thành di tích, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, ghi dấu những diễn biến tiêu biểu của cuộc Khởi nghĩa Bà Triệu và thể hiện đặc trưng của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quốc gia Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu, gồm: Cửa Khâu, Khe Ông Vạn, Bằng Yên Ngựa, Đông Đào - Ao Hóp, Chùa Bích Vân, Đồng Chợ Bua, Đồng Cẩm Cờ, Khe Đá Bàn, U Chiêng, Giếng Cô Tiên, Đền Bà Triệu, Đền Trình, Đền Ngải Tu Nưa, Đền Nưa Am Tiên. Các di tích và cụm di tích trên đề xuất đưa vào Khu vực bảo vệ I để bảo vệ nguyên trạng về mặt bằng và không gian của các yếu tố gốc cấu thành di tích cũng như giữ gìn toàn vẹn cảnh quan thiên nhiên, địa hình, địa mạo xung quanh.

Đối với phần diện tích thuộc Khu vực bảo vệ II là 611,25 ha (bao gồm cả phần diện tích Khu vực bảo vệ I trước đây chuyển thành Khu vực bảo vệ II là 481,17 ha), tăng 583,79 ha so với khoanh vùng bảo vệ di tích trước đây để đảm bảo đưa toàn bộ phần diện tích của núi Nưa từ chân núi lên đến đỉnh núi trong khu vực lập quy hoạch, bao quanh hoặc tiếp giáp với Khu vực bảo vệ I để bảo vệ trọn vẹn các yếu tố gốc cấu thành di tích và cảnh quan, môi trường sinh thái của di tích, hạn chế những tác động tiêu cực có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến Khu vực bảo vệ I của di tích.

Tổng diện tích khoanh vùng sau khi điều chỉnh là 630,22 ha, tăng 102,63 ha so với khoanh vùng bảo vệ di tích ban đầu.

4.1.2. Phương hướng bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích

a) Đền Bà Triệu:

- Tu bổ cổng Nghinh môn, nâng cao công trình so với địa hình hiện trạng.
- Tôn tạo công trình Đền chính (trong đó có Tiền điện và Hậu cung).
- Nghiên cứu bố trí và xây dựng lại các công trình: Lầu cô, lầu cậu, bệ thờ voi, lầu thờ Trung Thiên Long Mẫu, ban thờ Thổ địa,...
- Xây dựng các công trình đáp ứng hoạt động của đền như: Nhà thủ từ, nhà khách, bếp, nhà sắp lễ, quán nghỉ và các công trình thiết yếu khác.
- Tôn tạo hồ nước và cảnh quan quanh hồ nước (kè, bậc xuống hồ, cầu cảnh quan, quán nghỉ, bình phong,...
- Bảo vệ các cây cổ thụ, tôn tạo cảnh quan chung.
- Núi Nưa và Am Tiên: Ưu tiên bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, địa hình, rừng và hệ sinh thái. Tôn tạo cảnh quan, bảo vệ các địa điểm mang yếu tố gốc của di tích đã được nghiên cứu xác định trong Lý lịch di tích.

b) Đền Nưa Am Tiên:

- Tôn tạo các công trình: Phủ Mẫu, đền thờ Bà Triệu, chùa Am Tiên.
 - Sắp xếp, bố trí và xây dựng lại các công trình: Lầu Quan âm, lầu Cô Ba, lầu Chuông, lầu Trống, nhà Tả vu, Hữu vu, am hóa vàng và các công trình khác đáp ứng hoạt động tín ngưỡng tại di tích,...
 - Tôn tạo cảnh quan chung: Sân vườn, cổng, tường rào...; các khu trồng cây lưu niệm và rừng cảnh quan khác.
 - Xây dựng mới các công trình phục vụ: Nhà thủ từ, nhà khách, bếp...
 - Tôn tạo cảnh quan vọng cảnh thiêng Am Tiên (dân gian quan niệm là huyết đạo Am Tiên), đường dạo, quán ngắm cảnh,...
- c) Giếng Cô Tiên (tương truyền là nơi Bà Triệu xuống tắm):
- Tu bổ Giếng Tiên, miếu thờ tại Giếng Tiên.
 - Tôn tạo Đền Tiên, các lầu thờ thành phần.
 - Tôn tạo cảnh quan chung: Sân vườn, cổng, tường rào...; các khu trồng cây lưu niệm và rừng cảnh quan khác.
- d) Đền Trình:
- Xây dựng lại Đền Trình, nhà sắp lễ, nhà thủ từ, am hóa vàng.
 - Các công trình khác: Am hóa vàng, quán nghỉ, nhà vệ sinh, cổng và tường rào, cảnh quan khác.
- e) Bể Yên Ngựa (tương truyền là trạm quan sát và đồn tiền tiêu của nghĩa quân): Xây dựng quán ngắm cảnh kết hợp nhà bia giới thiệu.
- f) Đền Ngải Tu Nưa (Nơi thờ ông Tu Nưa):
- Xây dựng các công trình: Đền thờ ông Tu Nưa, Tả vu - Hữu vu, nhà thủ từ, quán nghỉ, nhà vệ sinh.
 - Tôn tạo cảnh quan chung: Sân vườn, cổng, tường rào...; các khu trồng cây lưu niệm và rừng cảnh quan khác.
- g) Động Đào - Ao Hóp:
- Tôn tạo các công trình miếu thờ tại Động Đào, tại Ao Hóp, lăng thờ hiện có.
 - Trước kia khu này được phủ kín bởi hàng ngàn cây hoa đào, nên tiếp tục khôi phục cảnh quan.
 - Tôn tạo Ao Hóp (hồ nước tự nhiên, tương truyền là nơi cung cấp nguồn nước cho nghĩa quân của Bà Triệu).
 - Xây dựng các công trình: Am hóa vàng, quán nghỉ, Nhà vệ sinh...
 - Tôn tạo cảnh quan chung, sân, vườn, đường dạo và các yếu tố cảnh quan khác.

h) Đông Chợ Bụa (Nơi Bà Triệu cho mở chợ để binh lính và dân trong vùng trao đổi mua bán hàng hoá): Xây dựng đền thờ, tả vu, hữu vu, quán nghỉ, am hóa vàng,... phục vụ các hoạt động tín ngưỡng cầu may mắn trong buôn bán.

i) Khe Đá Bàn (Nơi Bà Triệu và tướng lĩnh họp bàn việc đánh Ngô nay cũng vẫn còn Khe nước chảy ở sườn núi phía Tây núi Nưa): Xây dựng nhà bia giới thiệu.

4.1.3. Danh mục các công trình cần bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và mức độ bảo tồn, tu bổ, tôn tạo

STT	Hạng mục	Mức độ
-	Đền Bà Triệu	
	Cổng Nghinh môn	Tu bổ, tôn tạo
	Hàng cây cổ thụ	Bảo vệ
	Tiền đường và Hậu cung	Tu bổ, tôn tạo
	Cảnh quan di tích	Tôn tạo
	Các công trình khác	Xây dựng mới một số công trình phục vụ các hoạt động tín ngưỡng gắn với di tích
-	Đền Nưa Am Tiên	
	Đền Bà Triệu	Tôn tạo
	Chùa Am Tiên	Tôn tạo
	Đền Mẫu	Tôn tạo
	Vọng cảnh thiêng Am Tiên	Tôn tạo cảnh quan.
	Cảnh quan di tích khác	Tôn tạo
-	Giếng Cô Tiên	Tôn tạo giếng và miếu thờ
-	Đền Ngải Tu Nưa	Tôn tạo công trình và cảnh quan
-	Đền Trình	Tôn tạo công trình và cảnh quan
-	Băng Yên Ngựa	Bảo vệ, tôn tạo cảnh quan
-	Động Đào - Ao Hóp	Tôn tạo công trình và cảnh quan
-	Đông Chợ Bụa	Tôn tạo công trình và cảnh quan
-	Khe Đá Bàn	Tôn tạo công trình và cảnh quan
	Các khu vực cảnh quan liên quan khác	Bảo vệ rừng, cải tạo cảnh quan, xây dựng một số công trình phục vụ phát huy giá trị di tích và phát triển du lịch kết hợp với các giá trị văn hóa phi vật thể địa phương như hàng lưu niệm, ẩm thực,...

4.1.4. Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích

a) Nguyên tắc

Yếu tố gốc của di tích chính bao gồm:

- Công trình kiến trúc: cổng Nghinh môn, Tiền đường và Hậu cung đền Nưa.

- Cảnh quan chung núi Nưa;

- Không gian, địa điểm gắn với các hoạt động lịch sử đã được xác định tại

lý lịch di tích.

- Việc bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích phải đảm bảo không làm ảnh hưởng lớn đến cảnh quan thiên nhiên, cảnh quan lịch sử tại khu vực.

- Bảo tồn và tu bổ các công trình kiến trúc (gắn với yếu tố gốc của di tích) hiện còn.

- Phục hồi các công trình kiến trúc dựa trên các cứ liệu khoa học, tài liệu lịch sử, ngữ văn dân gian,...

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể liên quan.

- Đảm bảo thuận lợi về việc phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch.

b) Giải pháp:

- Khoanh vùng bảo vệ di tích, di dời các công trình đang ảnh hưởng đến cảnh quan di tích.

- Trong khu vực bảo vệ I, chú trọng bảo quản, tu bổ các công trình, cảnh quan thiên nhiên hiện còn; hoàn thiện một số hạng mục kiến trúc đảm bảo mục đích sử dụng và cùng các công trình kiến trúc hiện còn tạo nên một hệ thống hoàn chỉnh, có giá trị thẩm mỹ, tôn trọng cảnh quan thiên nhiên.

- Một số công trình hiện hữu không phải yếu tố gốc của di tích cần phải di chuyển, trong trường hợp cho tồn tại phải được nghiên cứu cải tạo nhằm phù hợp về mặt không gian, phong cách kiến trúc, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

- Phục hồi các công trình kiến trúc cần tham khảo các mô tả về di tích trong các tài liệu lịch sử, dấu vết còn tồn tại của di tích, ngữ văn dân gian,...

- Tôn tạo cảnh quan.

- Một số công trình mới phục vụ phát huy giá trị di tích được phép xây dựng trong khu vực bảo vệ di tích nhưng phải đảm bảo về sự phù hợp quy mô, không gian kiến trúc cảnh quan, phong cách kiến trúc mang bản sắc văn hóa địa phương.

4.2. Định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di tích

4.2.1. Phân vùng chức năng

- Vùng bảo vệ di tích: Là diện tích các khu vực bảo vệ di tích, với diện tích là 630,22 ha, bao gồm:

- + Khu vực bảo vệ I: Diện tích 18,97 ha.

- + Khu vực bảo vệ II: Diện tích 611,25 ha.

- Vùng bảo vệ cảnh quan, phát huy giá trị di tích và phục vụ du lịch, là phần diện tích mở rộng, bổ sung nhằm hoàn chỉnh tổng thể không gian cảnh quan, phát huy giá trị di tích phục vụ du lịch; gồm: các công trình hạ tầng kỹ thuật, cây xanh, giao thông và các công trình phụ trợ khác; các khu chức năng phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

4.2.2. Định hướng tổ chức không gian, tôn tạo kiến trúc cảnh quan di tích

a) Khu vực bảo vệ di tích:

- Khu vực bảo vệ I là 18,97 ha bao gồm toàn bộ diện tích các cụm di tích, điểm di tích còn tồn tại các yếu tố gốc cấu thành di tích.

- Khu vực bảo vệ II có diện tích 611,25 ha bao gồm toàn bộ phần diện tích của núi Nưa từ chân núi lên đến đỉnh núi trong khu vực lập quy hoạch, bao quanh hoặc tiếp giáp với Khu vực bảo vệ I để bảo vệ các yếu tố gốc cấu thành di tích cũng như cảnh quan văn hóa, môi trường sinh thái của di tích, hạn chế những tác động tiêu cực có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực bảo vệ I của di tích. Trong khu vực bảo vệ II của di tích chỉ được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình và thực hiện các hoạt động, gồm: sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích; sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình kinh tế - xã hội; thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội theo quy định của các luật chuyên ngành.

b) Khu vực dịch vụ du lịch và phát huy di tích phát triển du lịch:

Khu vực phát huy giá trị di tích, phát triển du lịch chủ yếu được quy hoạch, phát triển tại khu vực dưới chân núi Nưa. Đây là khu vực có địa hình thấp, vai trò tác động trong cảnh quan chung của núi Nưa không có nhiều giá trị do hiện trạng chủ yếu là rừng sản xuất (keo, bạch đàn) có độ che phủ thấp và địa hình đã bị thay đổi nhiều do hoạt động khai thác khoáng sản. Trên cơ sở đó, lựa chọn phương án quy hoạch san nền tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp, bảo vệ cây lưu niên và lớp đất màu tạo thuận lợi cho việc thoát nước mặt và không gây xói lở, ngập úng. Đồng thời, trong khu vực phát huy giá trị di tích, phát triển du lịch cũng đã được quy hoạch, bố trí diện tích đất cây xanh xen kẽ các công trình xây dựng để tạo cảnh quan, tăng tính hài hòa với môi trường xung quanh.

Xuất phát từ thực tế, trong những năm gần đây, di tích Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu luôn đón nhận một lượng khách du lịch rất lớn đến chiêm bái, đặc biệt là trong các dịp lễ hội nên dẫn đến tình trạng hạ tầng kỹ thuật của khu vực không thể đáp ứng và phát huy hết tiềm năng phát triển. Do đó, Quy hoạch đề xuất Khu vực phát huy giá trị di tích, phát triển du lịch được quy hoạch bao gồm 03 phân khu chính để giải quyết các vấn đề về hạ tầng kỹ thuật, tạo đồng lực phát triển cho toàn bộ khu vực bao gồm:

- Tuyến cáp treo nối từ chân núi lên đỉnh núi Am Tiên: Để phục vụ nhu cầu di chuyển của nhân dân và du khách, rút ngắn thời gian cho các chuyến tham quan, giảm ách tắc giao thông, giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường, đồng thời gia tăng trải nghiệm du lịch khi được ngắm nhìn toàn cảnh vẻ đẹp của dãy núi Nưa hùng vĩ từ trên cao.

- Trục cảnh quan văn hóa (khu vực trên núi Nưa): Được quy hoạch để giảm tải cho các di tích hiện trạng trong Khu vực bảo vệ I hiện nay đang phải đón nhận một lượng du khách rất lớn đến chiêm bái. Theo đó các công trình

được quy hoạch hướng đến mục tiêu tạo ra một trục cảnh quan văn hóa để du khách có không gian để dừng chân ngắm nhìn vẻ đẹp của núi Nưa cũng như trải nghiệm văn hóa dân gian.

- Khu dịch vụ du lịch (khu vực dưới chân núi Nưa): Được quy hoạch để đáp ứng các nhu cầu du lịch, nghỉ dưỡng của du khách khi đến với Am Tiên nói riêng cũng như Thanh Hóa nói chung, đặc biệt là tại khu vực lập quy hoạch vốn không có nhiều sản phẩm du lịch, cơ sở hạ tầng để giữ chân du khách tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tăng tính kết nối với các tour, điểm du lịch khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để tạo thành một hệ sinh thái du lịch đồng bộ. Các công trình xây dựng tại khu vực này được quy hoạch với mật độ xây dựng và tầng cao thấp để đảm bảo hài hòa với môi trường tự nhiên và các di tích hiện trạng. Khu dịch vụ du lịch hiện được quy hoạch chủ yếu xung quanh khu vực ven hồ hiện trạng vốn nằm cách xa núi Nưa để tránh ảnh hưởng, tác động đến các di tích gốc. Không gian chuyển tiếp tại khu vực chân núi không có nhiều các công trình du lịch mà chủ yếu là đường giao thông tiếp cận của Trục cảnh quan văn hóa và Tuyến cáp treo nối từ chân núi lên đỉnh núi Am Tiên.

STT	KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
1	DV	ĐẤT DỊCH VỤ	41.22	3.79
2	CC	ĐẤT CÔNG CỘNG	7.84	0.72
3	DL	ĐẤT DU LỊCH	107.46	9.89
4	HT	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	1.66	0.15
5	P	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	13.56	1.25
6	OHT	ĐẤT Ồ HIỆN TRẠNG	0.66	0.06
7	DT	ĐẤT BẢO TỒN DI TÍCH	21.91	2.03
8	CX-CD-CXCL-MN	ĐẤT CÂY XANH - MẶT NƯỚC	167.86	11.48
8.1	CX	ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN	57.18	5.00
8.2	CD	ĐẤT CÂY XANH CHUYỂN ĐỂ	40.31	3.71
8.3	CXCL	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY BẢO VỆ ĐƯỜNG ĐIỆN 110KV NẮN TUYẾN	4.50	0.42
8.4	MN	MẶT NƯỚC	65.87	6.06
9	R	ĐẤT RỪNG (PHÒNG HỘ, SẢN XUẤT)	536.19	49.30
10	GT	ĐẤT GIAO THÔNG	189.19	21.33
		TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH	1087.55	100.00

4.2.3. Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững.

a) Các điểm tiếp cận của khách du lịch

Tiếp cận giao thông tại khu vực lập quy hoạch có tính đa dạng về loại hình phương tiện và hướng tiếp cận:

- Về đường hàng không: Du khách đến từ Cảng hàng không quốc tế Thọ Xuân và di chuyển bằng Đường Nghi Sơn - Thọ Xuân (với khoảng cách 30 km).

- Về đường bộ:

+ Du khách di chuyển bằng Đường cao tốc Bắc - Nam phía đông và tiếp cận từ Nút giao Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn (với khoảng cách 7 km).

+ Di chuyển từ hệ thống giao thông đối ngoại đã được đầu tư đồng bộ, hiện đại như Đại lộ Lê Lợi, Quốc lộ 47, Quốc lộ 45, các tuyến tỉnh lộ,... kết nối với các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế, du lịch khác của tỉnh Thanh Hóa như thành phố Thanh Hóa (cách 20 km), thành phố Sầm Sơn (cách 35 km), khu kinh tế Nghi Sơn (cách 50 km).

- Về đường sắt: Du khách đến từ Ga Thanh Hóa và di chuyển bằng Đại lộ Lê Lợi (với khoảng cách 20 km).

- Về đường biển: Du khách đến từ Cảng Nghi Sơn và di chuyển bằng đường Nghi Sơn - Thọ Xuân (với khoảng cách 60 km).

b) Vận chuyển khách du lịch trong khu vực lập quy hoạch

- Vận chuyển du khách bằng hệ thống cáp treo từ chân núi lên khu vực đỉnh núi Nưa được đầu tư đồng bộ, công nghệ hiện đại, qua đó đảm bảo đáp ứng được nhu cầu di chuyển lớn (dự báo khoảng 05-10 triệu lượt khách/năm), đồng thời hạn chế tối đa các tác động đến cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái tại khu vực lập quy hoạch.

- Vận chuyển du khách bằng xe điện giữa các khu vực, kết nối các điểm dừng xe điện trong khu vực lập quy hoạch với bãi đỗ xe và các điểm thăm quan, ngắm cảnh, công viên cây xanh, khu vực nghỉ dưỡng, mua sắm, vui chơi giải trí.

c) Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch

- Du lịch tâm linh, văn hóa, lịch sử:

+ Tham dự các ngày đại lễ tại Đền Nưa, Am Tiên. Tham quan các di tích lịch sử, văn hóa tại khu vực để tìm hiểu về cuộc Khởi nghĩa Bà Triệu chống ách đô hộ của nhà Ngô, thể hiện tinh thần quật khởi, ý chí độc lập dân tộc của người Việt Nam.

+ Tìm hiểu, thăm quan vịnh cảnh thiêng Am Tiên vốn được cho là nơi vô cùng linh thiêng không chỉ ở Thanh Hóa mà còn trên địa bàn cả nước, từ bao đời nay đã gắn với đời sống, các hoạt động văn hóa tâm linh của người dân địa phương và du khách thập phương.

+ Thăm quan các công trình kiến trúc tâm linh đặc sắc, quy mô lớn tầm cỡ thế giới dự kiến xây dựng tại khu vực phát triển du lịch gắn với phát huy giá trị di tích, như: Tượng Phật bằng đồng lớn nhất thế giới; Tượng Voi trắng một ngà.

- Du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Phát triển hệ thống lưu trú, nghỉ dưỡng đa dạng, mang đẳng cấp quốc tế với đầy đủ loại hình Khách sạn cao cấp; Khu nghỉ dưỡng ven hồ; Làng du lịch văn hóa bản địa để phát huy tối đa lợi thế về cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, đáp ứng nhu cầu lưu trú của khách du lịch trong và ngoài nước, kết nối đồng bộ với tổng thể hệ sinh thái du lịch tại khu vực.

- Dịch vụ trải nghiệm:

+ Đầu tư xây dựng các công trình văn hóa trọng điểm với quy mô lớn, áp dụng công nghệ hiện đại để đưa truyền thống lịch sử, văn hóa Xứ Thanh đến với du khách trong và ngoài nước như: Trung tâm triển lãm văn hóa Xứ Thanh; Trung tâm hướng dẫn, thông tin du lịch văn hóa; Công viên chủ đề biểu diễn thực cảnh Khởi nghĩa Bà Triệu; Công viên chủ đề làng nghề địa phương; Đài ngắm cảnh; Bảo tàng tôn giáo; Vườn cảnh quan nghệ thuật; Sân khấu biểu diễn ngoài trời.

+ Đầu tư xây dựng Trung tâm hội nghị, Nhà hàng trên hồ và hệ thống nhà hàng quanh các khu vực nghỉ dưỡng, lưu trú để hỗ trợ cho hệ sinh thái du lịch, gắn nghỉ dưỡng với việc trải nghiệm, khám phá các nét ẩm thực độc đáo của Xứ Thanh cũng như các vùng miền trong cả nước, tạo tiền đề từng bước phát triển kinh tế đêm tại khu vực.

+ Trưng bày giới thiệu và kinh doanh các mặt hàng lưu niệm và đặc sản địa phương.

+ Tham dự các trò chơi dân gian. Thường thức trình diễn chèo chài, tuồng bội và các nét văn hóa đặc sắc của Xứ Thanh.

d) Các tuyến du lịch:

Mở rộng kết nối các tour, tuyến du lịch đến di tích với các tour, tuyến du lịch lớn ở trong nước và quốc tế, đưa di tích trở thành điểm đến mang tầm quốc gia và quốc tế:

- Kết nối các tuyến du lịch ngoại tỉnh:

+ Tuyến du lịch Thanh Hóa - Ninh Bình.

+ Tuyến du lịch Thanh Hóa - Nghệ An.

+ Tuyến du lịch Thanh Hóa - Hòa Bình.

- Tuyến du lịch nội tỉnh: Kết nối khu vực lập quy hoạch với các trung tâm du lịch lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có thể mạnh về du lịch biển (như Sầm Sơn, Hải Tiến, Quảng Nham, Quảng Lợi, Hải Hòa), du lịch núi rừng (Bến En, Pù Luông), du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh (Lam Kinh, Thành Nhà Hồ, Thành Hoàng Nghiêu, Cửa Đạt, Phủ Na, đền Bà Triệu), nghỉ dưỡng khoáng nóng (Khoáng nóng Quảng Xương) để hỗ trợ, đa dạng các loại hình sản phẩm du lịch:

+ Tuyến du lịch Am Tiên - Khoáng nóng Quảng Xương - Khu văn hóa, lịch sử Hàm Rồng - Sầm Sơn.

+ Tuyến du lịch Am Tiên - Khoáng nóng Quảng Xương - Du thuyền sông Mã - Hải Tiến.

+ Tuyến du lịch Am Tiên - Khoáng nóng Quảng Xương - Quảng Nham, Quảng Lợi (Quảng Xương).

+ Tuyến du lịch Am Tiên - Đền Am Các - Khu du lịch Anh Phát - Hải Hòa.

- + Tuyến du lịch Am Tiên - Lam Kinh - Pù Luông .
 - + Tuyến du lịch Am Tiên - Thành Nhà Hồ - Đền Bà Triệu - Thành phố Thanh Hóa.
 - + Tuyến du lịch Am Tiên - Thành Nhà Hồ - Suối cá Cẩm Lương.
 - + Tuyến du lịch Am Tiên - Hoàng Nghiêu - Bến En.
 - + Tuyến du lịch Am Tiên - Phủ Na - Cửa Đạt - Làng du lịch Bản Mạ.
- e) Tuyên truyền, quảng bá

- Mở rộng các chương trình giới thiệu, quảng bá về giá trị di tích, tiềm năng du lịch địa phương trên các phương tiện truyền thanh, truyền hình, phim, ảnh, sách báo, tạp chí, các phương tiện thông tin truyền thông ở trong và ngoài nước.

- Nâng cấp đường truyền và nội dung Website giới thiệu quảng bá du lịch của địa phương.

Website có thể nâng cấp với một số tiêu mục cụ thể:

- + Nâng cấp Cơ sở dữ liệu sách, bài viết;
- + Bổ sung thêm nhiều Thư viện hình ảnh, media;
- + Bổ sung thêm các chương trình: Tổ chức sắp xếp lịch đặt tour du lịch, hành hương, đặt nơi ăn nghỉ...;
- + Giới thiệu chi tiết Hệ thống các điểm di tích, du lịch liên quan của địa phương;
- + Quảng bá, giới thiệu các hoạt động du lịch của địa phương với du khách trong và ngoài nước;
- + Giới thiệu mở rộng các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa địa phương...

g) Đào tạo nguồn nhân lực:

- Đào tạo nguồn nhân lực có đủ trình độ kiến thức về văn hóa, lịch sử, kỹ năng du lịch để hướng dẫn khách tham quan và hướng dẫn khách trải nghiệm các hoạt động. Trong đó tập trung vào các trường đại học có quy mô lớn tại địa phương như Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Trường Đại học Hồng Đức, Trường Trung cấp nghề thương mại du lịch Thanh Hóa.

- Xây dựng đội văn nghệ biểu diễn các làn điệu hát múa dân gian truyền thống.

- Khuyến khích nhân dân trong vùng tham gia làm du lịch, phát triển du lịch cộng đồng.

4.3. Định hướng cải tạo, xây dựng hạ tầng kỹ thuật

4.3.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền

Dựa trên yếu tố địa hình tự nhiên của khu vực và điều kiện thủy văn cũng như đồ án Quy hoạch chung đã được duyệt để xác định cao độ nền xây dựng.

- Cao độ nền không chế cho khu là 4,50m. Cụ thể:

- + Chọn cao độ xây dựng khu vực $\geq +4,50\text{m}$.

- + Độ dốc san nền cho toàn khu là $\geq 0.4\%$.

- Hướng dốc và độ dốc san nền:

- + Hướng dốc chính: Hướng Tây Bắc - Đông Nam.

- + Các lô đất có độ dốc lớn, tạo dốc từ nút giao thông có cao độ cao nhất về nút có cao độ thấp nhất. Các lô đất có độ dốc vừa phải, tạo dốc từ trung tâm các lô đất về phía các trục đường giao thông xung quanh.

- Độ dốc san nền phải đảm bảo thoát nước tự chảy (thông thường là 0,4%).

b) Thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, được thiết kế tự chảy.

- Hệ thống thoát nước mưa đảm bảo phù hợp với tình hình hiện trạng, các quy hoạch và các dự án xung quanh, không bị ngập úng, khả năng tiêu thoát nhanh, hiệu quả.

- Lưu vực thoát nước:

- + Lưu vực 1: Lưu vực phía Bắc dự án được thu gom qua hệ thống cống BTCT D600-D1800 trên các tuyến đường thoát ra hồ Mỏ Crôm.

- + Lưu vực 2: Lưu vực phía Nam dự án được thu gom qua hệ thống cống bê tông cốt thép D800 - D2000 trên các tuyến đường thoát ra hồ Mỏ Crôm và mương thoát nước.

- Trên cơ sở quy hoạch san nền, thiết kế hệ thống thoát nước mưa bao gồm các tuyến cống thoát nước tự chảy, sử dụng cống tròn bê tông cốt thép dưới lòng đường hoặc trên hè được xây dựng đồng thời với việc xây dựng các tuyến đường giao thông.

- Cải tạo mỏ Crôm thành hồ trung tâm có nhiệm vụ chứa nước và điều tiết thoát nước trong khu vực.

- Trên mạng lưới thoát nước mưa bố trí các ga thu, ga thăm, khoảng cách các ga theo tiêu chuẩn đảm bảo tiêu thoát nước nhanh chóng và quản lý vận hành về sau. Đối với các tuyến đường có độ dốc đường thiết kế $i < 0,4\%$ nước

mưa được thu theo các rãnh biên rãnh cửa có độ dốc $i = 0,4\%$. Độ dốc dọc cống lấy theo độ dốc đường hoặc theo độ dốc tối thiểu $i = 1/D$.

- Giải pháp thoát nước xét đến các trường hợp ngập cục bộ do đảm bảo có thể thoát nước nhanh tránh ngập úng và tràn vào các đường ống hạ tầng khác của Khu đô thị.

4.3.2. Quy hoạch hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn là đường cấp III đồng bằng (ĐT. 506) cách dự án khoảng 6 km về phía Đông Bắc; tuyến đường này có lộ giới quản lý: 65,0m. trong đó: Bề rộng làn xe chính: $B_{xc} = 6 \times 3,5\text{m} = 21\text{m}$; Bề rộng làn xe thô sơ: $B_{xts} = 2 \times 2,5\text{m} = 5\text{m}$; Bề rộng giải an toàn: $B_{at} = 2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$; Bề rộng giải phân cách giữa: $B_{dpc} = 3,0\text{m}$; Bề rộng lề đất: $B_I = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$; Ta luy mỗi bên: $B_{tl} = 2 \times 2,0\text{m} = 4,0\text{m}$; Phần bảo trì đường bộ: $B_{bt} = 2 \times 2,0\text{m} = 4,0\text{m}$; Hành lang an toàn đường bộ: $B_{hl} = 13,0 \times 2 = 26,0\text{m}$.

- Quốc lộ 47C (cách dự án khoảng 4 km về phía Đông Bắc): Tuyến này có Lộ giới: 20,5m. (Trong đó: Mặt đường: 10,5m; Hè đường: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$).

- Đường dẫn vào khu di tích Am tiên có tuyến Đường tỉnh 517: Tuyến này có Lộ giới: 20,5m. (Trong đó: Mặt đường: 10,5m; Hè đường: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$). Hướng tuyến Đường tỉnh 517 vào khu vực dự án theo hướng Đông Bắc nằm sát di tích Đền Nưa hiện trạng, đi vào giữa khu đất dự án và chuyển hướng về phía Tây Bắc của khu đất. Đường tỉnh 517 trong khu vực dự án được thể hiện là mặt cắt 1-1, và mặt cắt 2-2:

+ Mặt cắt 1-1 qua khu vực trung tâm của dự án có lộ giới 30,0m (Trong đó: Mặt đường: 15,0m; Hè đường: $7,5\text{m} \times 2 = 15,0\text{m}$).

+ Mặt cắt 2-2 cho các đoạn còn lại có lộ giới 25,0m (Trong đó: Mặt đường: 15,0m; Hè đường: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$).

b) Giao thông đối nội

- Các tuyến đường khu vực kết nối các khu dịch vụ, du lịch, khu công cộng, cây xanh, khu di tích với các tuyến đường đối ngoại. Các tuyến đường này có mặt cắt như sau:

+ Mặt cắt 1-1, lộ giới 30m: Mặt đường: 15m; Hè đường: $7,5\text{m} \times 2 = 15\text{m}$.

+ Mặt cắt 2-2, lộ giới 25m: Mặt đường: 15m; Hè đường: $5\text{m} \times 2 = 10\text{m}$.

+ Mặt cắt 3-3, lộ giới 20m: Mặt đường: 10m; Hè đường: $5\text{m} \times 2 = 10\text{m}$.

- Các tuyến đường nội bộ kết nối các khu dịch vụ, du lịch, khu công cộng, cây xanh, khu di tích với các tuyến đường khu vực. Các tuyến đường này có mặt cắt như sau:

+ Mặt cắt 4-4, lộ giới 18m: Mặt đường: 9m; Hè đường: $4,5\text{m} \times 2 = 9\text{m}$.

+ Mặt cắt 5-5, lộ giới 15m: Mặt đường: 7m; Hè đường: $4m \times 2 = 8m$.

+ Mặt cắt 6-6, lộ giới 13m: Mặt đường: 7m; Hè đường: $3m \times 2 = 6m$.

c) Bãi đỗ xe:

Bãi đỗ xe: Xây dựng các bãi đỗ xe tập trung đảm bảo phục vụ cho dân và du khách đến tham quan. Tổng quy mô bãi đỗ xe trong đồ án là 13,56 ha.

4.3.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

a) Nguồn nước

Khu vực quy hoạch được cấp từ nhà máy nước Triệu Sơn (tại TT Nưa), công suất $Q=13.000m^3/ng.đêm$.

Nhu cầu dùng nước của đô thị ngày lớn nhất có cháy: $2.772 m^3/ng.đêm$.

b) Mạng lưới đường ống cấp nước

- Đường ống cấp nước đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình 0.7m.

- Các ống đều là ống mới, mặt trong ống phải trơn nhẵn, ống phải chịu được áp lực làm việc là 6 at, khi thử áp là 9 at, các phụ kiện kèm theo phải đồng loạt với ống.

- Xây dựng trạm bơm tăng áp sinh hoạt kết hợp phòng cháy chữa cháy riêng cho khu vực dự án công suất dự kiến: $Q=3000m^3/ng.đ$. Vị trí đặt trạm bơm tại ô đất HT.02 phía Đông Bắc gần hồ trung tâm của dự án.

c) Giải pháp cấp nước cứu hỏa

Có hệ thống cấp nước cứu hỏa bên ngoài là mạng cứu hỏa cho toàn khu, được bố trí các họng cứu hỏa nổi ở các ngã tư, ngã ba nằm trên vỉa hè. Khoảng cách giữa các họng không vượt quá 150 mét có áp lực đầu họng tối thiểu 10 mét cột áp và đặt cách mép đường 1 mét. Trong các công trình, tùy theo tính chất và quy mô của chúng cần có các giải pháp cấp nước chữa cháy riêng cho công trình theo các quy chuẩn hiện hành.

4.3.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện

a) Nguồn điện

Trạm 110/22kV-40MVA mới dự kiến được đặt tại khu đất HT.01 là điểm bắt đầu nắn chỉnh tuyến đường điện 110kV hiện trạng từ trạm 220kV Ba Chè qua trạm 110kV Cổ Định hiện trạng trong khu dự án tới trạm 110kV Nông Cống chạy qua thị trấn Nưa Triệu Sơn. Trạm 110/22kV-40MVA mới được lấy điện từ tuyến đường dây 110kV sau nắn chỉnh.

b) Trạm biến áp

Trong khu vực có nghiên cứu các trạm biến áp hiện có không theo quy hoạch và không đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của khu vực. Vậy cần phải đầu tư xây dựng mới khoảng 23 trạm biến áp, dỡ bỏ các trạm biến áp hiện có trong khu dự án.

c) Đường dây trung thế, hạ thế

- Tất cả các đường dây trung áp treo hiện có trong khu dự án được thay thế bằng tuyến cáp ngầm hạ thế kéo mới, sử dụng loại cáp ngầm chống thấm dọc chôn trực tiếp trong đất. Lưới điện trung áp trong khu vực được thiết kế sử dụng điện áp 22kV để chuẩn hóa cấp điện áp đô thị.

- Xây dựng mới 3 lộ cáp ngầm 22kV từ trạm 110/22kV dọc theo đường giao thông về cấp điện cho khu vực.

- Xây dựng lại các tuyến đường dây hạ thế hiện hữu không đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ quan đô thị.

- Việc tính toán, lựa chọn thiết bị trên lưới trung thế và hạ thế, dựa trên cơ sở đảm bảo cung cấp điện cho từng phụ tải trong và sau quy hoạch ít nhất là 20 năm.

- Tiết diện dây dẫn được lựa chọn phù hợp với mật độ phụ tải của từng khu vực và thỏa mãn điều kiện tổn thất điện áp nhỏ hơn 5%.

d) Chiếu sáng

- Hệ thống chiếu sáng được thiết kế phù hợp với cảnh quan môi trường, cảnh quan kiến trúc, tạo ra được các điểm nhấn. Thiết kế hệ thống điện cho quảng cáo, lễ hội không ảnh hưởng đến mạng lưới chiếu sáng chung của đô thị.

- Các tuyến đường được chiếu sáng bằng đèn cao áp bóng đèn Led hiệu suất cao. Cột đèn chiếu sáng dùng cột thép tùy theo quy mô tính chất của từng tuyến đường.

4.3.5. Định hướng quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

- Đầu tư, nâng cấp các trạm thu, phát sóng thông tin di động phủ sóng đến toàn bộ khu vực thuộc phạm vi quy hoạch đáp ứng nhu cầu của người dân và du khách.

- Ngầm hóa toàn bộ mạng cáp ngoại vi trong phạm vi quy hoạch đảm bảo an toàn, mỹ quan khu vực di tích; mạng cáp viễn thông được xây dựng ngầm hóa trên vỉa hè, hành lang các tuyến đường trong khu vực quy hoạch; xây dựng hệ thống cống bể cáp có khả năng sử dụng chung cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác.

- Đối với mạng cáp viễn thông hiện trạng trong khu vực các di tích các doanh nghiệp viễn thông phải tiến hành ngầm hóa, đảm bảo an toàn, mỹ quan.

4.3.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Mạng lưới thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà ở, công trình sau khi được xử lý cục bộ ở các bể tự hoại, được thu dẫn theo đường cống D(200 - 400) đến các trạm bơm chuyển bậc rồi dẫn về trạm xử lý nước thải.

+ Trạm xử lý nước thải: 01 công suất 2.500 m³/ngày (vị trí khu đất HT.01 phía Tây Bắc của dự án).

Nước thải sau khi xử lý, chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn xả vào nguồn loại B theo QCVN 14:2008/BTNMT.

- Thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, thiết kế riêng so với hệ thống thoát nước mưa, độ dốc thiết kế đủ lớn sao cho tốc độ chảy trong cống tăng khả năng tự làm sạch: $i \geq i_{\min} = 1/D$.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải đi độc lập nhau.

- Hệ thống thoát nước bản của khu đất được thiết kế là cống tròn HDPE hoặc bê tông cốt thép đặt trên hệ các tuyến đường giao thông. Tại những khúc ngoặt hoặc chuyển giao giữa hệ thống cống và rãnh có bố trí ga thăm với khoảng cách giữa các ga được bố trí theo tiêu chuẩn thoát nước.

- Đối với hệ thống rãnh ga thăm được bố trí với khoảng cách $L = 20 - 40m$ đúng với tiêu chuẩn quy phạm.

- Trên hệ thống cống thu gom bố trí các giếng thăm chờ để đầu nối.

- Hệ thống thoát nước bản bên trong từng ô đất xây dựng công trình sẽ được thiết kế chi tiết tùy thuộc vào quy mô, tính chất và mặt bằng bố trí công trình của từng ô đất.

- Trong quá trình thi công, hệ thống thoát nước bản có thể được vi chỉnh nhỏ kết hợp với việc bố trí các tuyến hạ tầng kỹ thuật khác.

b) Hệ thống thu gom rác thải: Đối với chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc trong các khu vực công cộng. Xe chuyên dụng sẽ chạy theo lịch trình và thu gom chất thải rắn từ các thùng rác này và vận chuyển đến khu xử lý rác thải chung của khu vực.

c) Nghĩa trang: Bố trí tại các khu nghĩa trang tập trung của các huyện, thành phố đã được xác định tại các quy hoạch chung được duyệt.

4.4. Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư

4.4.1. Các nhóm dự án thành phần

a) Nhóm dự án đền bù, giải phóng mặt bằng, cấm mốc giới bảo vệ di tích. Bao gồm các công việc chính:

- Dự án đền bù, giải phóng mặt bằng đối với dân cư:

+ Đền bù giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư.

+ Đền bù các vật kiến trúc và tài sản trên đất.

- Dự án đền bù, giải phóng mặt bằng Nhà máy sản xuất ferocrom cacbon cao công suất 20.000 tấn/năm và Trạm biến áp 110/35 KV của VTCC.

- Dự án cải dịch đường điện 110KV.

b) Nhóm dự án tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích

- Cắm mốc giới quy hoạch và mốc giới bảo vệ di tích.
- Bảo tồn, tôn tạo các công trình di tích hiện hữu, cảnh quan.
- Xây dựng mới các công trình di tích, các công trình phát huy giá trị di tích và phụ trợ còn thiếu trong phạm vi bảo vệ di tích (bãi đỗ xe, dịch vụ công cộng, nhà điều hành, đón tiếp, cổng chào, biểu tượng, biển chỉ dẫn).

c) Nhóm dự án xây dựng các công trình phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch

Xây dựng các công trình dịch vụ phát huy giá trị di tích và các công trình dịch vụ du lịch tại 03 phân khu chính, bao gồm:

- Khu K-1 (diện tích khoảng 41,4 ha): Dự án Tuyến cáp treo nối từ chân núi lên đỉnh núi Am Tiên.

- Khu K-2 (diện tích khoảng 110,2 ha): Dự án Trục cảnh quan văn hóa.

- Khu K-3 (diện tích khoảng 222,0 ha): Dự án Khu dịch vụ du lịch.

d) Nhóm dự án đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực bảo vệ di tích

- Mở các lớp đào tạo về các chuyên môn, kỹ năng cần thiết về du lịch và bảo vệ di tích.

- Tham quan học hỏi các mô hình.

- Xuất bản các ấn phẩm.

- Đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Lắp đặt các biển quảng cáo, chỉ dẫn,....

e) Nhóm dự án tuyên truyền, quảng bá du lịch và các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể

- Xuất bản các ấn phẩm.

- Đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Lắp đặt các biển quảng cáo, chỉ dẫn,...

4.4.2. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Các dự án thuộc Nhóm dự án đền bù, giải phóng mặt bằng, cắm mốc giới bảo vệ di tích.

- Các dự án thuộc Nhóm dự án tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

- Nhóm dự án xây dựng các công trình phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch.

- Nhóm dự án xây dựng giao thông và hạ tầng kỹ thuật: đáp ứng triển khai các dự án trên.

4.4.3. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn

a) Tổng mức đầu tư:

Dự kiến Tổng mức đầu tư thực hiện theo đồ án quy hoạch: Khoảng 12.200 tỷ đồng (Bằng chữ: Mười hai nghìn, hai trăm tỷ đồng).

b) Nguồn vốn

- Nguồn vốn từ ngân sách: Giải phóng mặt bằng và cấm mốc giới quy hoạch; Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích; các công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ; các công tác tuyên truyền, quảng bá.

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác: Đầu tư các công trình phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch.

4.4.4. Phân kỳ đầu tư

a) Giai đoạn 1 (Năm 2025 - 2030):

- Dự án đền bù, giải phóng mặt bằng đối với dân cư.

- Dự án đền bù, giải phóng mặt bằng Nhà máy sản xuất ferocrom cacbon cao công suất 20.000 tấn/năm và Trạm biến áp 110/35 KV của VTCC.

- Dự án cải dịch đường điện 110KV.

- Khởi công và đầu tư xây dựng nhóm các dự án phát triển du lịch.

b) Giai đoạn 2 (Năm 2031 - 2035):

- Nhóm dự án đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng nhóm các dự án phát triển du lịch.

4.5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch di tích

4.5.1 Giải pháp quản lý

- Quản lý theo đồ án quy hoạch và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch. Các quy hoạch xây dựng, các quy hoạch ngành có liên quan, các dự án đầu tư cần thực hiện theo quy hoạch này.

- Phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp phát triển du lịch tại địa phương thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, xây dựng cảnh quan khu di tích xanh, sạch, đẹp.

4.5.2. Giải pháp về cơ chế thực hiện

- Thiết lập các dự án đầu tư thành phần, phân loại, phân giai đoạn để thực hiện và huy động nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; vốn đầu tư từ các doanh nghiệp; vốn huy động xã hội hóa từ các nguồn công đức, vốn vay;...

- Ủy ban nhân dân các địa phương phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện quy hoạch.

- Xây dựng chương trình tuyên truyền về giá trị Khu di tích để thông qua đó kêu gọi các nguồn lực để đầu tư hoàn thiện khu di tích.

- Đề xuất các chương trình đầu tư các hạng mục công trình theo tiến độ thực hiện để từng bước kêu gọi các cá nhân, tổ chức trong cả nước tham gia theo hình thức xã hội hóa.

4.5.3. Giải pháp bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích

- Trong khu vực bảo vệ di tích, việc thực hiện các hoạt động bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích và phát huy giá trị di tích phải đáp ứng các nội dung theo quy hoạch này và pháp luật về Di sản hiện hành.

- Ngoài ranh giới bảo vệ di tích, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đáp ứng các yêu cầu, chỉ tiêu trong quy hoạch này và các quy định của pháp luật về Xây dựng nhằm đảm bảo giữ gìn cảnh quan, vệ sinh môi trường, góp phần bảo vệ di sản.

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức của Ban quản lý di tích.

- Ban quản lý di tích là đầu mối quản lý và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các hộ dân bảo vệ, khai thác, vận hành các hoạt động trong khu theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật.

4.5.4. Giải pháp về xúc tiến, thu hút đầu tư

- Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch tại khu vực lập quy hoạch, trong đó ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, chuyên nghiệp có kinh nghiệm và tiềm lực tài chính mạnh, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Lựa chọn ưu tiên đầu tư bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích, hình thành không gian kiến trúc cảnh quan, hình thành sản phẩm du lịch hấp dẫn. Kết hợp triển khai các chương trình, dự án có liên quan và phù hợp trên địa bàn như Các chương trình, dự án về phát triển du lịch, Chương trình nông thôn mới, Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch,...

- Phát huy mối liên kết giữa người dân và chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý có liên quan tạo sự thống nhất trong việc tổ chức triển khai các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển du lịch tại địa phương.

4.5.5. Giải pháp huy động nguồn lực bảo vệ và quản lý di tích

- Hợp tác với các cơ quan giáo dục về bảo tồn di tích; hướng dẫn doanh nghiệp, cộng đồng tham gia bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, văn hóa truyền thống tại địa phương.

- Khuyến khích phát triển các nghề truyền thống; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể tại địa phương.

4.5.6. Giải pháp về cơ chế phối hợp liên ngành, bảo đảm triển khai thành công quy hoạch di tích.

- Tăng cường liên kết giữa các ngành, các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách, bảo đảm triển khai thành công quy hoạch tổng thể. Trong đó, Ủy ban nhân dân địa phương chủ động nắm bắt các kế hoạch của tỉnh, qua đó đề xuất lồng ghép các mục tiêu phát triển du lịch liên quan.

- Hợp tác trong xây dựng một chương trình quảng bá xúc tiến du lịch chung cho nhóm địa phương;

- Hợp tác, liên kết tổ chức các lễ hội, sự kiện liên quan;

- Hợp tác trong xây dựng chương trình du lịch chung, các sản phẩm du lịch có sức cạnh tranh, hấp dẫn;

- Các địa phương kết nối các doanh nghiệp du lịch nhằm xây dựng văn hóa cạnh tranh lành mạnh, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để có thể cùng nhau thành công trên thị trường.

- Chủ động hợp tác với các địa phương khác để thu hút khách tại các thị trường;

- Tích cực tham gia các chương trình khảo sát, quảng bá, xúc tiến đầu tư nhằm kết nối, học hỏi lẫn nhau để đẩy mạnh các ngành kinh tế, Du lịch của địa phương phát triển.

4.5.7. Các giải pháp khác

a) Giải pháp huy động sự tham gia của cộng đồng- Thiết lập sự nối kết giữa việc bảo tồn di tích, phát triển các hoạt động du lịch tại di tích với sự tham gia của cộng đồng dân cư quanh di tích.

- Đưa người dân tham gia trực tiếp cùng các hoạt động phát triển du lịch của di tích như: cung cấp các dịch vụ, hàng hóa du lịch.

- Đối với một số khu vực dân cư nằm kế cận các khu di tích: Định hướng quy mô, mẫu kiến trúc cho các công trình nhà ở của dân kế cận khu di tích để tránh các công trình xây dựng quy mô lớn, kiến trúc lai tạp, lộn xộn, không phù hợp với cảnh quan không gian của Khu di tích.

- Chỉnh trang lại các khu vực dân cư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (cấp điện, cấp thoát nước, giao thông, trường học các cấp, nhà văn hóa, trạm y tế...) để đảm bảo cuộc sống cho các hộ dân trong khu vực.

- Nâng cao nhận thức của người dân về giá trị của di tích để người dân địa phương tham gia vào thông tin tuyên truyền, quảng bá các giá trị vật thể và phi vật thể của Khu di tích.

- Tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư tham gia vào công tác lập kế hoạch quản lý và bảo tồn Khu di tích và phát triển du lịch. Cộng đồng dân cư phải thấy rõ được quyền lợi và trách nhiệm của mình với di tích bằng cách đưa họ tham

gia vào các chương trình, mục tiêu, chính sách, công tác bảo tồn và thông tin quảng bá cho Khu di tích.

- Xây dựng chính sách cụ thể để phân định rõ nguồn lợi thu được đến nhân dân địa phương, giúp họ thấy được công tác quản lý bảo tồn và kinh doanh phát triển du lịch sẽ tạo nhiều cơ hội phát triển cho chính quyền địa phương, giải quyết được lượng lớn lao động cho địa phương.

- Khuyến khích nhân dân trong Khu di tích tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây các khu vực di tích thay thế dần các cây keo, bạch đàn bằng cây bản địa.

- Xây dựng các làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, trồng cây thuốc, làm các đặc sản địa phương, ... phục vụ khách du lịch đến khu di tích.

- Tổ chức xây dựng các chương trình văn hóa nghệ thuật địa phương để nhân dân tham gia phục vụ thu hút khách du lịch.

- Khuyến khích nhân dân trong Khu di tích tham gia làm du lịch, phát triển các hình thức du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch trải nghiệm, du lịch thể thao...

b) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực về các mặt: Quản lý văn hóa, tổ chức sự kiện, hướng dẫn viên, thuyết minh viên về du lịch tâm linh, lễ hội, văn hóa giao tiếp ứng xử...

- Nâng cấp chất lượng các cơ sở đào tạo nghiệp vụ văn hóa và du lịch, thống nhất chương trình đào tạo khung tại các cơ sở chủ chốt của tỉnh. Chú trọng vào các nội dung đào tạo nhằm tăng cường hiểu biết các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống địa phương, việc áp dụng các hiểu biết vào các hoạt động du lịch. Trên cơ sở đó xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của từng khu vực cụ thể.

- Tăng cường năng lực về hiểu biết lịch sử, văn hóa truyền thống cho đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa du lịch tại địa bàn trọng điểm phát triển du lịch.

- Khuyến khích hình thành và duy trì các câu lạc bộ văn hóa truyền thống tại các địa phương có liên quan đến khu vực quy hoạch.

Đẩy mạnh việc liên kết trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực văn hóa, du lịch giữa các cơ sở đào tạo trong tỉnh với các cơ sở đào tạo khác. Tăng cường mở các lớp tập huấn ngắn hạn phù hợp với tính chất bảo tồn di tích và phát triển du lịch tại từng khu vực cụ thể, nhấn mạnh các phương pháp phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong du lịch.

c) Giải pháp tuyên truyền, quảng bá

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp các ngành, các tổ chức chính trị xã hội và cộng đồng dân cư, để các đối tượng này hiểu rõ hơn về vai trò và ý nghĩa của việc giữ gìn, bảo vệ di tích, bản sắc

văn hóa, phát huy giá trị lễ hội và các loại hình văn hóa dân gian đặc sắc phục vụ phát triển du lịch, qua đó tạo sự đồng thuận giữa các bên liên quan trong việc bảo tồn di tích, triển khai các hoạt động văn hóa và du lịch tại địa phương.

- Tăng cường công tác xúc tiến quảng bá các giá trị di tích, văn hóa khu vực nhằm xây dựng hình ảnh du lịch với những yếu tố đổi mới về các sản phẩm du lịch, văn hóa hấp dẫn, kích cầu du lịch cho các loại hình này.

- Tích cực triển khai các nội dung về xúc tiến, quảng bá các giá trị di tích, văn hóa và lễ hội tại khu vực quy hoạch, tại các sự kiện, hội chợ du lịch trong và ngoài nước mà tỉnh tham gia để giới thiệu các giá trị này tới đông đảo du khách trong và ngoài nước.

- Xây dựng hình ảnh di tích, văn hóa và các loại hình du lịch để tạo ra sức hấp dẫn riêng đối với du khách bằng các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng các cụm pa nô, biển quảng cáo về du lịch; xây dựng các clip, trailer quảng cáo, Website, sổ tay du lịch, tham gia các hội chợ, triển lãm, hội thi về du lịch. Hoạt động quảng bá du lịch phải gắn kết với hoạt động xúc tiến du lịch và các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư.

- Xây dựng các chương trình du lịch lễ hội và văn hóa hấp dẫn đa dạng khác nhau.

- Cần có các buổi giới thiệu, tài liệu giới thiệu, pano quảng cáo về du lịch, về lễ hội tại các lễ hội và điểm du lịch xung quanh vùng.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến góp ý, thẩm định của các bộ và sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan về hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ đồ án Quy hoạch, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa, quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức công bố Quy hoạch di tích theo quy định.

- Thực hiện các nhóm dự án thành phần theo phân cấp và nhiệm vụ được giao, quản lý các hoạt động bảo tồn và xây dựng theo quy định. Ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động vi phạm di tích và cảnh quan thiên nhiên thuộc Quy hoạch.

- Quản lý, hướng dẫn tổ chức các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di tích; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích.

- Tham mưu về chủ trương lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thẩm định dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thẩm định thiết kế bản vẽ thi công bảo

quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định hiện hành của pháp luật; hướng dẫn, tổ chức thực hiện tu sửa cấp thiết và các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thuộc địa phương quản lý sau khi được phê duyệt.

- Thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích cấp tỉnh ở địa phương có khả năng ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường của di tích; Thẩm định, tham gia thẩm định các dự án đầu tư, phát triển liên quan đến văn hoá và du lịch ở trong khu vực quy hoạch.

- Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Quy hoạch đảm bảo đúng mục tiêu đề ra. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện: Triệu Sơn, Nông Cống, Như Thanh quản lý, phát huy có hiệu quả giá trị các di tích.

5.2. Sở Xây dựng

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành liên quan tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ của ngành xây dựng đối với công tác quy hoạch, các dự án thành phần trong khu vực quy hoạch.

- Thẩm định, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện: Triệu Sơn, Nông Cống, Như Thanh và các đơn vị có liên quan xem xét đưa danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư vào kế hoạch 05 năm và hàng năm để triển khai thực hiện.

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình xem xét, cân đối phần vốn thuộc ngân sách nhà nước để thực hiện các nhóm dự án đầu tư được phê duyệt trong phạm vi Quy hoạch này.

5.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch, đặc biệt là đất rừng, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan; hướng dẫn các địa phương trình cấp có thẩm quyền cập nhật ranh giới diện tích Quy hoạch vào Kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, của huyện phù hợp với thời kỳ quy hoạch; Phối hợp với các đơn vị có liên quan, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của ngành tham gia ý kiến đối với các dự án thành phần trong khu vực quy hoạch, đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5.5. UBND các huyện: Triệu Sơn, Như Thanh, Nông Cống

- Quản lý và thực hiện các hoạt động xây dựng theo quy hoạch được duyệt theo địa phương quản lý.

- Triển khai thực hiện quản lý di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh - Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu (gồm: Núi Nưa, Đền Nưa, Am Tiên) theo quy định hiện hành của pháp luật.

- UBND huyện Triệu Sơn thực hiện rà soát, lập điều chỉnh quy hoạch chung Thị trấn Nưa; trong quá trình tổ chức lập quy hoạch chung đô thị yêu cầu cập nhật các nội dung của Đồ án Quy hoạch bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quốc gia Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu (gồm: Núi Nưa, Đền Nưa, Am Tiên) giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các loại hình quy hoạch.

5.6. Các cơ quan liên quan khác: Có trách nhiệm phối hợp, theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Quy hoạch, đảm bảo phù hợp với các quy hoạch chuyên ngành đã có trong khu vực.

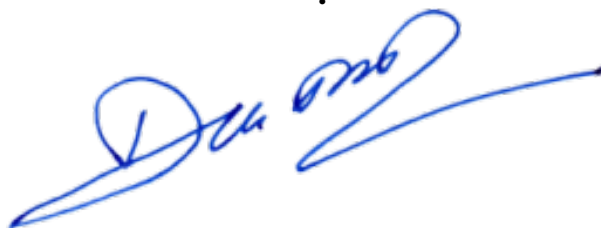
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện: Triệu Sơn, Nông Cống, Như Thanh; Viện Quy hoạch - Kiến trúc và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, NN, THKH, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng